

Số: 96/2020/QĐST-DS

Thành phố H, ngày 07 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 6, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 28/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2020;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 08 đường T, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1997; địa chỉ: Số ¼ đường N, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H (Theo giấy ủy quyền ngày 25/02/2020).

* Bị đơn: Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 13B kiết 290 đường Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền đặt cọc và phạt cọc: Bà Lê Thị Thu H công nhận còn nợ của bà Nguyễn Thị L với tổng số tiền là 72.600.000 đồng (Bảy mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng). Trong đó tiền đặt cọc là 36.300.000 đồng (Ba mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng) và tiền phạt cọc là 36.300.000 đồng (Ba mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng).

2.2. Về phương thức thanh toán:

- Đến ngày 30/9/2020, bà Lê Thị Thu H phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị L số tiền đặt cọc là 36.300.000 đồng (Ba mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng);

- Đến ngày 10/01/2021, bà Lê Thị H phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị L số tiền phạt cọc là 36.300.000 đồng (Ba mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu $(72.600.000 \text{ đồng} \times 5\%) / 2 = 1.815.000 \text{ đồng}$ (Một triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng). Hai bên đương sự thỏa thuận bị đơn là bà Lê Thị Thu H chịu toàn bộ án phí tranh chấp là 1.815.000 đồng (Một triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí, nên hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.815.000 đồng (Một triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/009109 ngày 17/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT H;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dân án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Trọng C